

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Long;

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi -Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Thi Văn Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có mặt tại phiên tòa; anh Đ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/02/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị T và anh Đ kết hôn vào ngày 10/02/1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Đến tháng 10/2014 anh Đ bỏ nhà, bỏ địa phương đi từ đó đến nay không về lại địa phương, mặc dù chị T đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm anh Đ nhưng vẫn không có tin tức gì của anh Đ. Sau đó, chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Đ mất tích, Tòa án đã thụ lý và ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-DS ngày 24/9/2019 tuyên bố anh Thi Văn Đ mất tích. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 người con chung tên là Thi Ngọc S, sinh ngày 21/12/1995, Thi Ngọc H, sinh ngày 27/8/1997. Hiện các cháu đều đã trên 18 tuổi nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Thi Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐST-DS ngày 24/9/2019 đến nay vẫn không có tin tức gì.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Thi Văn Đ.

- Về con chung: Hai con chung đều đã trên 18 tuổi chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn ” đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Thi Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Thi Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T thì trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên anh Đ bỏ nhà, bỏ địa phương đi từ tháng 10/2014 đến nay không có tin tức gì. Xét thấy, chị T và anh Đ đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014, kể từ khi Tòa án tuyên bố anh Đ mất tích cho đến nay vẫn không có tin tức gì, thể hiện vợ chồng không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh Đ không đạt được và chị T, anh Đ cũng không thể chung sống đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 người con chung tên là Thi Ngọc S, sinh ngày 21/12/1995, Thi Ngọc H, sinh ngày 27/8/1997, hiện các cháu đều đã trên 18 tuổi. Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Thi Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011480 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 09/7/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy